

Bản án số: **113** /2024/DS-ST
Ngày: 13 - 08 - 2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN E, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm N dân:

Ông Võ Minh Quang;

Ông Nguyễn Quang Vinh;

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án N dân huyện E, tỉnh E.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án N dân huyện E, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST – DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-DS ngày 16/07/2024 , giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Bình Chiến, thị trấn E, huyện E, tỉnh E.

Ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho bà Võ Thị Thu H tham gia tố tụng theo hợp đồng ủy quyền ngày 31/03/2023. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

2. Bi đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Lộc, xã Đ, huyện E, tỉnh E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/03/2023, bản tự khai ngày 04/03/2024, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 22/07/2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Do có quen biết với ông Trần Văn N nên vào ngày 24/02/2022 ông Nguyễn Văn H có cho ông N vay số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Việc vay được thành hợp đồng cho mượn tiền, do ông N ký tên lẫn tay xác nhận, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, thời hạn vay là 04 (bốn) ngày kể từ ngày 24/02/2022 đến ngày 27/02/2022. Cùng ngày, ông H đã giao đủ cho ông N số tiền

800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Trong hợp đồng cho mượn tiền giữa ông H và ông N có điều khoản trong trường hợp ông N không trả đủ tiền cho ông H thì ông H sẽ được quyền sở hữu, sang tên, mua bán thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đ, huyện E, tỉnh E do ông Trần Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nguyễn Văn H đang tạm giữ. Tuy nhiên, sau khi đến thời hạn trả tiền là ngày 27/02/2022 thì ông N không trả tiền vốn và lãi cho ông H, ông H đã nhiều lần đến yêu cầu ông N trả tiền hoặc chuyển nhượng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đ, huyện E, tỉnh E qua cho ông H nhưng ông N cứ hẹn lần hẹn lượt mà không trả tiền cũng không chuyển nhượng đất cho ông H. Vì vậy, nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án N dân huyện E xem xét, giải quyết buộc ông Trần Văn N hoàn trả cho ông H số tiền vay 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và lãi suất 10%/năm kể từ ngày ngày 24/02/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Ông H xin rút lại yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo hướng chuyển nhượng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện E, tỉnh E. Khi nào ông Trần Văn N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Văn H sẽ trả lại cho ông Trần Văn N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện E, tỉnh E.

** Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai cho bị đơn ông Trần Văn N nhưng ông Trần Văn N vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Võ Thị Ngọc Bích.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Ông Trần Văn N trả lại số tiền cho vay là 800.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận của Công an xã Đ thì Ông Trần Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú xã Đ nên Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện E, tỉnh E.

[3] Bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập lần thứ hai. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn N là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về địa chỉ, nơi cư trú bị đơn: Hợp đồng cho mượn tiền ngày 24/02/2022 có ghi địa chỉ của ông Trần Văn N là ấp Bình Lộc, xã Đ, huyện E, tỉnh E nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân Tối cao hướng dẫn một số

quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[5] Ông Nguyễn Văn H rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn N chuyển nhượng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện E, tỉnh E, nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần đối yêu cầu khởi kiện này của ông Nguyễn Văn H.

- Về nội dung:

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Ông Trần Văn N phải trả số tiền vay 800.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H căn cứ vào Hợp đồng cho mượn tiền ngày 24/02/2022 để khởi kiện ông Trần Văn N trả lại tiền gốc là 800.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo các chứng cứ nêu trên cho bị đơn ông Trần Văn N nhưng ông N không có ý kiến gì cũng không tham gia tố tụng điều đó chứng tỏ ông N đã từ bỏ quyền bác bỏ yêu cầu của người khác đối với mình theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời ông N không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà ông H cung cấp nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có cơ sở nên được chấp nhận.

Theo Hợp đồng cho mượn tiền ngày 24/02/2022 thì ông Nguyễn Văn H (Bên A) cho ông Trần Văn N (Bên B) vay 800.000.000 đồng. Ông Trần Văn N (Bên B) thế chấp cho ông Nguyễn Văn H (Bên A) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện E, tỉnh E. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc ông Trần Văn N trả lại cho ông Nguyễn Văn H 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) tiền vốn vay là phù hợp.

[7] Về lãi suất: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu tính lãi suất của số tiền 800.000.000 đồng kể từ ngày vay 24/02/2022 cho đến ngày xét xử 13/08/2024 với mức lãi suất 10%/ năm. Hội đồng xét xử xét thấy, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp với mức lãi suất là 10%/ năm. Từ ngày vay 24/02/2022 cho đến ngày xét xử 13/08/2024 là 29 tháng 20 ngày lãi suất được tính như sau: 800.000.000 đồng x 10%/năm x 29 tháng 20 ngày = 197.724.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Tổng số tiền Ông Trần Văn N phải trả cho Ông Nguyễn Văn H số tiền vay là 997.724.000 đồng (Chín trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng), trong đó tiền vốn vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), tiền lãi suất là 197.724.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

[8] Về trách nhiệm thi hành án: Xét thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đang tạm giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn N tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc,

huyện E, tỉnh E. Vì vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải trả lại ông Trần Văn N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn N tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện E, tỉnh E khi ông Trần Văn N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 997.724.000 đồng (Chín trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì Ông Trần Văn N phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + (197.724.000 đồng x 3%) = 41.931.720 đồng (Bốn mươi một triệu chín trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.309.845 đồng (Mười chín triệu ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000750 ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh E.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 147, 217, 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H đối với Ông Trần Văn N về việc “*Tranh chấp hợp vay tài sản*”.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H đối với ông Trần Văn N về yêu cầu buộc ông Trần Văn N chuyển nhượng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện E, tỉnh E.

2. Buộc Ông Trần Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền vay là 997.724.000 đồng (Chín trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng), trong đó tiền vốn vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), tiền lãi suất là 197.724.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn H phải trả lại ông Trần Văn N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn N tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 22, diện tích 3588,6m² tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện E, tỉnh E khi ông Trần Văn N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 997.724.000 đồng (Chín trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn N phải chịu án phí là 41.931.720 đồng (Bốn mươi một triệu chín trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai mươi đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí án phí đã nộp là 19.309.845 đồng (Mười chín triệu ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000750 ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp.

***Nơi nhân:**

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã Ký

Lê Thị Thu Hương